

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế đấu thầu, đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tại Bộ Tài nguyên và Môi trường

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Quyết định số 39/2008/QĐ-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 105/2008/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Quyết định số 39/2008/QĐ-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước.

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

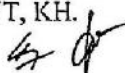
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đấu thầu, đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tại Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Các Bộ: KH&ĐT, TC;
- Các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, KH.



BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Minh Quang

QUY CHẾ

**Quy định đấu thầu, đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng
ngân sách nhà nước tại Bộ Tài nguyên và Môi trường**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 88 /QĐ-BTNMT ngày 17 tháng 01 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về đấu thầu, đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tại Bộ Tài nguyên và Môi trường (gọi tắt là dịch vụ sự nghiệp công).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường được giao dự toán kinh phí để thực hiện dịch vụ sự nghiệp công, các cơ quan được giao nhiệm vụ hoặc uỷ quyền tổ chức đấu thầu, đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

2. Các tổ chức có tư cách pháp nhân, cá nhân hành nghề độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam có đủ điều kiện và chức năng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (sau đây gọi tắt là nhà thầu hoặc nhà cung cấp).

Điều 3. Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tại Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện đấu thầu, đặt hàng

1. Dịch vụ sự nghiệp công thực hiện đấu thầu, đặt hàng được xác định trong Quyết định giao kế hoạch và dự toán hàng năm của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Vụ Kế hoạch chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan trình Bộ trưởng sửa đổi, bổ sung dịch vụ sự nghiệp công thực hiện đấu thầu, đặt hàng.

3. Những dịch vụ sự nghiệp công thực đấu thầu, đặt hàng được xác định tại Quyết định giao kế hoạch và dự toán hàng năm của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường chưa đủ điều kiện thực hiện đấu thầu, đặt hàng được thực hiện giao kế hoạch theo quy định.

Chương II

ĐẤU THẦU THỰC HIỆN DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG

Điều 4. Điều kiện tổ chức đấu thầu

1. Dịch vụ sự nghiệp công được phân bổ kinh phí.

2. Kế hoạch đấu thầu đã được phê duyệt.
3. Hồ sơ mời thầu đã được phê duyệt.
4. Thông tin về đấu thầu đã được đăng tải theo quy định của pháp luật.
5. Dịch vụ sự nghiệp công được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt nội dung và dự toán.

Điều 5. Điều kiện tham gia đấu thầu

1. Có tư cách hợp lệ theo quy định tại Điều 7, Điều 8 của Luật Đấu thầu.
2. Chỉ được tham gia trong một hồ sơ dự thầu đối với một gói thầu với tư cách là nhà thầu độc lập hoặc là nhà thầu liên danh. Trường hợp liên danh phải có văn bản thỏa thuận giữa các thành viên, trong đó quy định rõ người đứng đầu của liên danh, trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng của từng thành viên đối với công việc thuộc gói thầu.
3. Đáp ứng yêu cầu nêu trong thông báo mời thầu hoặc thư mời thầu của bên mời thầu.
4. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản và Điều 3 Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng (sau đây viết tắt là Nghị định số 85/2009/NĐ-CP).

Điều 6. Hình thức đấu thầu

1. Đấu thầu rộng rãi

Việc lựa chọn nhà thầu thực hiện sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích phải áp dụng đấu thầu rộng rãi, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 6 và Chương III Quy chế này. Khi áp dụng đấu thầu rộng rãi, không hạn chế số lượng nhà thầu tham dự. Bên mời thầu phải cung cấp hồ sơ mời thầu cho các nhà thầu có nhu cầu tham gia đấu thầu. Trong hồ sơ mời thầu không được nêu bất cứ điều kiện nào nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng.

2. Đấu thầu hạn chế

Đấu thầu hạn chế được áp dụng trong trường hợp dịch vụ sự nghiệp công có yêu cầu cao về kỹ thuật hoặc kỹ thuật có tính đặc thù mà chỉ có một số nhà thầu có khả năng đáp ứng yêu cầu. Khi thực hiện đấu thầu hạn chế, phải mời tối thiểu năm (05) nhà thầu được xác định là có đủ năng lực và kinh nghiệm tham gia đấu thầu; trường hợp thực tế có ít hơn năm (05) nhà thầu, bên mời thầu phải trình người có thẩm quyền xem xét, quyết định cho phép tiếp tục tổ chức đấu thầu hạn chế hoặc áp dụng hình thức lựa chọn khác.

Điều 7. Thẩm quyền phê duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu và kết quả đấu thầu

1. Phê duyệt kế hoạch đấu thầu

Đối với các dịch vụ sự nghiệp công do Bộ phê duyệt, các cơ quan đơn vị thuộc Bộ lập Kế hoạch đấu thầu trình Bộ trưởng phê duyệt. Vụ Kế hoạch chủ trì phối hợp với Vụ Tài chính có trách nhiệm lập báo cáo thẩm định kế hoạch đấu thầu trình Bộ trưởng xem xét, quyết định.

Đối với các dịch vụ sự nghiệp công thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ, cơ quan kế hoạch - tài chính trực thuộc có trách nhiệm lập báo cáo thẩm định kế hoạch đấu thầu trình Thủ trưởng cơ quan, đơn vị xem xét, quyết định. OK OK

2. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ được giao nhiệm vụ phê duyệt hồ sơ mời thầu, giao cho tổ chức chuyên môn trực thuộc lập hồ sơ mời thầu, báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu; các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ được giao nhiệm vụ phê duyệt kết quả đấu thầu, giao cho cơ quan kế hoạch - tài chính, hoặc cơ quan chuyên trách trực thuộc thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả đấu thầu.

Các tổ chức được giao lập, thẩm định các nội dung trong đấu thầu có trách nhiệm trình Thủ trưởng đơn vị xem xét, quyết định.

Trường hợp các tổ chức trực thuộc không có đủ năng lực và kinh nghiệm, cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ phê duyệt hồ sơ mời thầu, phê duyệt kết quả đấu thầu tiến hành lựa chọn tổ chức tư vấn, cá nhân có đủ năng lực và kinh nghiệm để lập hoặc thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả đấu thầu.

Điều 8. Lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch đấu thầu

Việc lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch đấu thầu được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Luật Đấu thầu và Chương II Nghị định số 85/2009/NĐ-CP.

Điều 9. Chuẩn bị đấu thầu

1. Lập và phê duyệt hồ sơ mời thầu

Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 32 Luật đấu thầu; Điều 24, Điều 25 Nghị định số 85/2009/NĐ-CP.

2. Mời thầu

Thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 32 Luật Đấu thầu; Khoản 4 Điều 23 Nghị định số 85/2009/NĐ-CP.

Điều 10. Tổ chức đấu thầu

1. Phát hành hồ sơ mời thầu

Phát hành hồ sơ mời thầu (bao gồm cả việc sửa đổi và làm rõ hồ sơ mời thầu) được thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 33, Điều 34 Luật đấu thầu và Khoản 1 Điều 28 Nghị định số 85/2009/NĐ-CP.

2. Chuẩn bị hồ sơ dự thầu

Nhà thầu chuẩn bị hồ sơ dự thầu theo quy định tại Khoản 2 Điều 17, Khoản 2 Điều 28 Nghị định số 85/2009/NĐ-CP.

3. Tiếp nhận và quản lý hồ sơ dự thầu

Thực hiện theo quy định tại Khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản, Khoản 3 Điều 17 Nghị định số 85/2009/NĐ-CP.

4. Sửa đổi hoặc rút hồ sơ dự thầu

Trường hợp muốn sửa đổi hoặc rút hồ sơ dự thầu đã nộp, nhà thầu thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 17 Nghị định số 85/2009/NĐ-CP.

5. Mở thầu

Thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 33 Luật đấu thầu, Khoản 3 Điều 28 Nghị định số 85/2009/NĐ-CP.

Điều 11. Đánh giá hồ sơ dự thầu

Thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và các yêu cầu khác nêu trong hồ sơ mời thầu, nguyên tắc đánh giá quy định tại Điều 28 Luật Đấu thầu, phương pháp đánh giá quy định tại Điều 29 Luật Đấu thầu, Khoản 5 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản và trình tự đánh giá (bao gồm cả việc làm rõ hồ sơ dự thầu) quy định tại Điều 35, Điều 36 Luật Đấu thầu, Khoản 9 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản và Điều 29, Điều 30 Nghị định số 85/2009/NĐ-CP.

Các cơ quan, đơn vị quản lý nhà nước thuộc Bộ có trách nhiệm đánh giá hồ sơ dự thầu dịch vụ sự nghiệp công theo lĩnh vực quản lý.

Điều 12. Trình duyệt, thẩm định, phê duyệt, thông báo kết quả đấu thầu

Thực hiện theo quy định tại Điều 38, Điều 40, Điều 41 Luật Đấu thầu, Khoản 10, Khoản 11, Khoản 12, Khoản 13 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản và Khoản 3 Điều 20, Điều 71, Điều 72 Nghị định số 85/2009/NĐ-CP.

Điều 13. Thương thảo, hoàn thiện hợp đồng và ký kết hợp đồng

Thực hiện theo quy định tại Điều 42 và Chương III Luật Đấu thầu; Khoản 14, 16, 17 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản và Khoản 2 Điều 31 Nghị định số 85/2009/NĐ-CP.

Điều 14. Điều chỉnh hợp đồng

1. Điều chỉnh hợp đồng đấu thầu áp dụng trong những trường hợp sau đây:

Điều chỉnh định mức kinh tế kỹ thuật; định mức chi từ dự toán ngân sách nhà nước; thay đổi chính sách về tiền lương, thuế ảnh hưởng trực tiếp đến giá hợp đồng đấu thầu (điều chỉnh theo các chính sách kể từ thời điểm có hiệu lực).

Trường hợp có khối lượng, số lượng tăng hoặc giảm trong quá trình thực hiện hợp đồng đấu thầu nhưng trong phạm vi của hồ sơ mời thầu và không do lỗi của nhà thầu gây ra thì việc tính giá trị tăng hoặc giảm phải căn cứ vào hợp đồng đấu thầu.

Trường hợp giá nhiên liệu, vật tư, thiết bị nêu trong hợp đồng đấu thầu do Nhà nước kiểm soát có biến động lớn ảnh hưởng trực tiếp đến thực hiện hợp đồng, nhà thầu phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Việc điều chỉnh hợp đồng đấu thầu chỉ áp dụng trong thời gian thực hiện theo hợp đồng đã ký và phải được cơ quan có thẩm quyền (Bộ trưởng hoặc Thủ trưởng các đơn vị được Bộ trưởng phân cấp, ủy quyền phê duyệt nội dung và dự toán) xem xét, quyết định. Giá hợp đồng đấu thầu sau khi điều chỉnh không được vượt dự toán, tổng dự toán hoặc giá gói thầu trong kế hoạch đấu thầu đã được duyệt, trừ trường hợp được Bộ trưởng cho phép.

3. Trường hợp có phát sinh hợp lý những công việc ngoài phạm vi hồ sơ mời thầu thì cơ quan chủ trì phải thoả thuận với nhà thầu, đơn vị thực hiện để tính toán bổ sung các công việc phát sinh và báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định. Trường hợp thoả thuận không thành công thì nội dung công việc phát sinh đó hình thành một gói thầu mới.

Chương III

ĐẶT HÀNG THỰC HIỆN DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG

Điều 15. Thẩm quyền đặt hàng thực hiện dịch vụ sự nghiệp công

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định đặt hàng thực hiện dịch vụ sự nghiệp công.

Vụ Kế hoạch chủ trì, phối hợp các cơ quan đơn vị liên quan thẩm định trình Bộ trưởng quyết định đặt hàng thực hiện dịch vụ sự nghiệp công.

Các cơ quan quản lý nhà nước thuộc Bộ đề xuất nhiệm vụ và lựa chọn đơn vị thực hiện đặt hàng.

Điều 16. Điều kiện tổ chức đặt hàng

1. Dịch vụ sự nghiệp công được phê duyệt kinh phí.

2. Dịch vụ sự nghiệp công được xác định đặt hàng trong kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước giao cho các đơn vị.

3. Dịch vụ sự nghiệp công được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nội dung và dự toán.

Điều 17. Điều kiện tham gia nhận đặt hàng

Các doanh nghiệp, các đơn vị sự nghiệp công thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường có chức năng, nhiệm vụ, đăng ký ngành nghề kinh doanh, đăng ký hoạt động phù hợp, có đủ năng lực về tài chính, trình độ kỹ thuật, công nghệ sản xuất, trình độ quản lý và tay nghề của người lao động đáp ứng được các yêu cầu của hợp đồng đặt hàng.

Điều 18. Trình tự đặt hàng thực hiện dịch vụ sự nghiệp công

1. Đề xuất, thẩm định và phê duyệt quyết định đặt hàng:

Trước ngày 30 tháng 11 hàng năm, Bộ và các đơn vị quản lý nhà nước các lĩnh vực chuyên môn phê duyệt nội dung và dự toán của các dịch vụ sự nghiệp công được xác định trong Quyết định giao kế hoạch và dự toán của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Các đơn vị căn cứ quyết định phê duyệt nội dung và dự toán lựa chọn, đề xuất các hạng mục đặt hàng và đơn vị thực hiện gửi về Vụ Kế hoạch trước ngày 10 tháng 12 hàng năm để thẩm định.

Vụ Kế hoạch chủ trì phối hợp với Vụ Tài chính thẩm định báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét, phê duyệt quyết định đặt hàng trước ngày 20 tháng 12 hàng năm.

(Mẫu quyết định đặt hàng tại Phụ lục 01 kèm theo Quy chế này).

2. Ký kết Hợp đồng đặt hàng

a) Các đơn vị quản lý nhà nước căn cứ quyết định đặt hàng tổ chức ký kết hợp đồng đặt hàng với các tổ chức, cá nhân thực hiện và chịu trách nhiệm về sản phẩm của nội dung đặt hàng.

b) Nội dung hợp đồng đặt hàng

Căn cứ quyết định đặt hàng, các đơn vị quản lý nhà nước thuộc Bộ ký kết hợp đồng đặt hàng với nhà cung cấp nhận đặt hàng theo các nội dung chủ yếu sau:

- Tên dịch vụ sự nghiệp công;
- Số lượng, khối lượng;
- Chất lượng và quy cách;
- Giá, đơn giá;
- Mức trợ giá (nếu có);
- Số lượng, khối lượng được trợ giá (nếu có);
- Giá trị hợp đồng đặt hàng;
- Thời gian hoàn thành;
- Giao hàng: thời gian, địa điểm, phương thức;
- Phương thức nghiệm thu, thanh toán;
- Trách nhiệm và nghĩa vụ giữa cơ quan đặt hàng và nhà cung cấp nhận đặt hàng;
- Trách nhiệm của các bên do vi phạm hợp đồng và thủ tục giải quyết.

Các bên có thể thỏa thuận bổ sung một số nội dung khác trong hợp đồng đặt hàng nhưng không trái với quy định của pháp luật và không làm thay đổi giá, đơn giá của sản phẩm thuộc dịch vụ sự nghiệp công.

(Mẫu hợp đồng đặt hàng tại Phụ lục 02 kèm theo Quy chế này).

3. Điều chỉnh hợp đồng đặt hàng

a) Điều chỉnh hợp đồng đặt hàng trong những trường hợp sau:

Điều chỉnh định mức kinh tế kỹ thuật; định mức chi từ dự toán ngân sách nhà nước; thay đổi chính sách về tiền lương, thuế ảnh hưởng trực tiếp đến giá hợp đồng đặt hàng (điều chỉnh theo các chính sách kể từ thời điểm có hiệu lực).

Trường hợp có khối lượng, số lượng tăng hoặc giảm trong quá trình thực hiện hợp đồng đặt hàng nhưng trong phạm vi của hồ sơ đặt hàng và không do lỗi của nhà cung cấp gây ra thì việc tính giá trị tăng hoặc giảm phải căn cứ vào hợp đồng đặt hàng.

Trường hợp giá nhiên liệu, vật tư, thiết bị nêu trong hợp đồng đặt hàng do nhà nước kiểm soát có biến động lớn ảnh hưởng trực tiếp đến thực hiện hợp đồng, nhà cung cấp phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

b) Việc điều chỉnh hợp đồng đặt hàng chỉ áp dụng trong thời gian thực hiện theo hợp đồng đã ký và phải được cơ quan có thẩm quyền (Bộ trưởng hoặc Thủ trưởng các đơn vị được Bộ trưởng phân cấp, ủy quyền phê duyệt dự án, dự toán của Bộ) xem xét, quyết định. Giá hợp đồng đặt hàng sau khi điều chỉnh không được vượt dự toán, tổng dự toán đã được duyệt, trừ trường hợp được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

c) Trường hợp có phát sinh hợp lý những công việc ngoài phạm vi hồ sơ đặt hàng thì cơ quan đặt hàng phải thoả thuận với nhà cung cấp để tính toán bổ sung các công việc phát sinh và báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định. Trường hợp thoả thuận không thành công thì nội dung công việc phát sinh đó hình thành hợp đồng đặt hàng mới.

Chương IV

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

THỰC HIỆN ĐẤU THẦU, ĐẶT HÀNG

Điều 19. Phân bổ và giao dự toán ngân sách về đấu thầu, đặt hàng thực hiện dịch vụ sự nghiệp công

Trên cơ sở dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền quyết định, Vụ Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan lập phương án phân bổ và trình Bộ trưởng giao dự toán ngân sách cho các đơn vị thực hiện. Dự toán ngân sách giao cho đơn vị phân định rõ nhiệm vụ thực hiện đấu thầu, đặt hàng.

Điều 20. Chấp hành dự toán và quyết toán vốn ngân sách nhà nước theo phương thức đấu thầu, đặt hàng

1. Dự toán dịch vụ sự nghiệp công thực hiện theo phương thức đấu thầu, đặt hàng

Dự toán dịch vụ sự nghiệp công thực hiện theo phương thức đấu thầu, đặt hàng thực hiện theo Quy chế Quản lý tài chính và Quy chế Quản lý các đề án,

dự án, nhiệm vụ chuyên môn do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành và quy định hiện hành của nhà nước.

Đối với các hạng mục, nội dung chi chưa có đơn giá, mức giá được cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc tạm tính, khái toán, trước khi tổ chức, đấu thầu, đặt hàng, các cơ quan quản lý nhà nước thuộc Bộ tổ chức đấu thầu, đặt hàng căn cứ nội dung dự án chuyên môn được cơ quan thẩm quyền phê duyệt, các khoản chi phí cần thiết theo chế độ tài chính hiện hành của nhà nước tổ chức, thẩm định phê duyệt dự toán chi tiết làm căn cứ xác định giá gói thầu hoặc giá trị hợp đồng đặt hàng.

2. Nhà thầu hoặc nhà cung cấp khi trúng thầu hoặc được nhận đặt hàng thực hiện dịch vụ sự nghiệp công phải theo dõi, hạch toán riêng phần kinh phí được nhận do đấu thầu hoặc đặt hàng đem lại và phải thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Tạm ứng kinh phí

Căn cứ hợp đồng đấu thầu, đặt hàng được ký kết và tiến độ thực hiện khối lượng công việc do các cơ quan quản lý nhà nước thuộc Bộ xác nhận, Cơ quan quản lý dự án thuộc Bộ thực hiện tạm ứng tối đa 70% tổng giá trị hợp đồng cho nhà thầu hoặc nhà cung cấp.

Khi khối lượng sản phẩm hoàn thành đã được nghiệm thu đầy đủ ở các cấp và bàn giao vào lưu trữ (nếu có), cơ quan quản lý dự án thuộc Bộ thực hiện thanh toán phần giá trị còn lại cho nhà thầu hoặc nhà cung cấp.

4. Thanh toán đối với dịch vụ sự nghiệp công thực hiện theo phương thức đấu thầu, đặt hàng căn cứ vào các nội dung sau:

Hợp đồng đấu thầu, đặt hàng đã được ký kết giữa cơ quan quản lý dự án thuộc Bộ với nhà thầu hoặc nhà cung cấp.

Biên bản nghiệm thu số lượng, khối lượng, chất lượng nội dung đấu thầu, đặt hàng hoàn thành giữa cơ quan quản lý dự án thuộc Bộ với nhà thầu hoặc nhà cung cấp.

Giá, đơn giá thanh toán do các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định; dự toán đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Các tài liệu khác có liên quan.

Trình tự và thủ tục thanh toán kinh phí thực hiện nội dung đấu thầu, đặt hàng theo quy định tại Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn và Quy chế quản lý tài chính của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5. Chênh lệch thu lớn hơn chi từ thực hiện dịch vụ sự nghiệp công theo phương thức đấu thầu, đặt hàng được thực hiện như sau:

Đối với đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ, sau khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước (nộp các loại thuế theo quy định), phần còn lại được sử dụng theo khoản 1 Điều 26 của Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

Đối với doanh nghiệp trực thuộc Bộ, thực hiện hạch toán theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Đối với cá nhân, đơn vị ngoài công lập tự quyết định sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ về tài chính đối với nhà nước.

Điều 21. Chi phí trong đấu thầu, đặt hàng

1. Đối với đấu thầu: Thực hiện theo Thông tư số 105/2008/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Quyết định số 39/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Đối với đặt hàng: Sử dụng từ nguồn quản lý hành chính của đơn vị.

Chương V

QUẢN LÝ THỰC HIỆN ĐẤU THẦU, ĐẶT HÀNG THỰC HIỆN DỰ ÁN CHUYÊN MÔN

Điều 22. Kiểm tra, nghiệm thu

1. Vụ Kế hoạch chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra, theo dõi, giám sát việc thực hiện đấu thầu, đặt hàng thực hiện dịch vụ sự nghiệp công theo các quy định hiện hành.

2. Vụ Tài chính chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra, theo dõi và giám sát việc thực hiện quản lý về tài chính theo các quy định hiện hành.

3. Việc kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công thực hiện đấu thầu, đặt hàng thực hiện theo Quy chế Kiểm tra, nghiệm thu các đề án, dự án chuyên môn thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 23. Tổ chức thực hiện

1. Vụ Tài chính tổng kết, đánh giá thực hiện công tác đấu thầu, đặt hàng trước quý IV năm 2015.

2. Vụ Kế hoạch chỉnh sửa, hoàn thiện Quy chế đấu thầu, đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tại Bộ Tài nguyên và Môi trường trong quý IV năm 2015.

3. Các đơn vị thuộc Bộ, các nhà cung cấp hoặc nhà thầu khi thực hiện dịch vụ sự nghiệp công thuộc quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường phải tuân thủ theo các quy định tại Quy chế này và văn bản pháp luật có liên quan.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh đề nghị các đơn vị thuộc Bộ, các nhà cung cấp hoặc nhà thầu báo cáo Bộ để kịp thời xử lý. /.

BỘ TRƯỞNG



Số: /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc đặt hàng thực hiện nội dung “...” thuộc Dự án “...”

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-BTNMT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt nội dung và dự toán dự án “...”;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-BTNMT ngày ... tháng ... năm... của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Quy chế về đấu thầu, đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tại Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị của Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH


Điều 1. (Nội dung đặt hàng)

Nêu rõ đơn vị được đặt hàng, nội dung đặt hàng.

Điều 2. (Giao nhiệm vụ tổ chức ký hợp đồng đặt hàng)

Nêu rõ đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện ký hợp đồng đặt hàng đảm bảo đúng tiến độ và các quy định hiện hành.

Điều 3. (Điều khoản thi hành)

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính, Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước lĩnh vực và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Nguyễn Minh Quang (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, Vụ KH.

Nguyễn Minh Quang

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /HĐĐH-NVCM

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

HỢP ĐỒNG ĐẶT HÀNG
(Tên đề án, dự án, nhiệm vụ chuyên môn)

- Căn cứ Quyết định số/QĐ-BTNMT ngày tháng năm của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách năm ... cho các đơn vị dự toán trực thuộc;

- Căn cứ Quyết định số .../QĐ-BTNMT ngày tháng năm ... của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Quy chế về đấu thầu, đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tại Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Căn cứ Quyết định số .../QĐ-BTNMT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt đặt hàng nội dung “...” thuộc Dự án “....”

- Căn cứ Quyết định số/QĐ-*(ký hiệu của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt)* ngày tháng năm của *(tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt)* về phê duyệt *(tên dự án, nhiệm vụ chuyên môn)*.

Hôm nay ngày ... tháng ... năm..., Chúng tôi gồm có:

- Bên A (Tên cơ quan đặt hàng):

- + Địa chỉ trụ sở chính:
- + Tài khoản số:
- + Mở tại kho bạc:
- + Đại diện là ông (bà):
- + Chức vụ:

- Bên B (Tên đơn vị nhận đặt hàng):

- + Địa chỉ trụ sở chính:
- + Tài khoản số:
- + Mở tại kho bạc:
- + Đại diện là ông (bà):
- + Chức vụ:

Hai bên thống nhất ký kết hợp đồng đặt hàng thực hiện (tên đề án, dự án, nhiệm vụ chuyên môn) năm 20... với các điều khoản sau:

Điều 1. Nội dung, khối lượng hạng mục công việc

Nêu chi tiết nội dung nhiệm vụ, khối lượng công việc phải thực hiện.

Điều 2. Giải pháp công nghệ và tiêu chuẩn kỹ thuật

Mô tả cách thức, phương pháp tổ chức triển khai nhiệm vụ cụ thể và quy chuẩn kỹ thuật sẽ được áp dụng (Chất lượng công việc phải đáp ứng);

Điều 3. Tiến độ thực hiện và thời hạn hoàn thành

Nêu cụ thể kế hoạch thời gian thực hiện từ khi bắt đầu đến khi hoàn thành từng hạng mục công việc.

Điều 4. Kiểm tra và nghiệm thu nhiệm vụ hoàn thành

Nêu cụ thể về yêu cầu và cách thức kiểm tra khối lượng, chấp lượng từng hạng mục công việc hoàn thành.


Điều 5. Bàn giao kết quả và giao nộp sản phẩm

Nêu rõ ràng về hình thức thể hiện kết quả và cách thức giao nộp sản phẩm.

Điều 6. Dự toán kinh phí, nguyên tắc và điều kiện thanh toán

Nêu rõ tổng giá trị dự toán được duyệt (tương ứng với nội dung và khối lượng được đặt hàng tại điều 1), nguyên tắc thanh toán (đối với nhiệm vụ đã có định mức, đơn giá và đối với nhiệm vụ có định mức, đơn giá được cấp có thẩm quyền ban hành), điều kiện thanh toán (sản phẩm hoàn thành đã được kiểm tra nghiệm thu và giao nộp theo quy định).

Điều 7. Trách nhiệm của các bên

- Trách nhiệm của cơ quan đặt hàng ...
- Trách nhiệm của đơn vị nhận đặt hàng ...
- Hai bên sẽ tổ chức họp và lập biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng đặt hàng vào ngày ...
- Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ... đến ngày ...
- Hợp đồng này được lập thành 05 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản và gửi các cơ quan có liên quan bao gồm:
 - + Cơ quan QLNN chuyên ngành: 01 bản (để kiểm tra, giám sát);
 - + Vụ Kế hoạch, Bộ TN&MT: 01 bản (để theo dõi, quản lý);
 - + Vụ Tài chính, Bộ TN&MT: 01 bản (để theo dõi, quản lý). 

ĐẠI DIỆN BÊN A

Chức vụ
(Ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN B

Chức vụ
(Ký tên, đóng dấu)